TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNPHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/DS-ST
Ngày: 28 – 9 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Chiếu**

2. Ông **Trần Văn Phước**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Tấn Trung** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H,** sinh năm 1954; Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Vào khoảng tháng 4/2016 âm lịch, bà có cho anh T vay số tiền 40.000.000đ, không tính lãi suất, anh T có hứa khoảng 01-02 tháng trả lại cho bà. Khi vay tiền thì anh T có tự viết giấy mượn tiền (nhưng không có ghi ngày) và có ký tên vào giấy mượn tiền, bà có ký tên vào người cho mượn, sau đó anh T đem giấy về cho bà Nguyễn Thị Phấn (là bà nội của anh T) ký người chứng kiến vào giấy mượn tiền. Giấy mượn tiền hiện nay do bà đang giữ. Khi vay tiền thì anh T có đưa cho tôi

giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị Phấn và ông Nguyễn Văn Phận để làm tin, việc đưa giấy hai bên chỉ nói miệng chứ bà và T không có ký hợp đồng thế chấp tài sản gì hết, bà và anh T sẽ tự thỏa thuận đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho bà số tiền vay 40.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh thừa nhận vào tháng 4/2016 âm lịch, anh có vay của bà H số tiền 40.000.000 đồng, khi vay anh có viết giấy mượn tiền cho bà H giữ. Anh đồng ý trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng, nhưng hiện nay anh không có khả năng trả ngay cho bà H nên anh xin được trả dần hàng tháng. Đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh đã đưa cho bà H giữ khi anh vay tiền thì anh và bà H sẽ tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Anh T thừa nhận có vay tiền của bà H và đồng ý trả cho bà H, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên có căn cứ buộc anh T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay 40.000.000 đồng. Đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Nguyễn Thị Phấn và ông Nguyễn Văn Phận đứng tên, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu anh T trả tiền vay, anh T đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Anh T thừa nhận vào tháng 4/2016 âm lịch có vay của bà H số tiền 40.000.000 đồng và đồng ý trả theo yêu cầu của bà H. Sự thừa nhận của anh T là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc anh T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng.

[4] Đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn Ph1 đứng tên do bà H đang giữ, các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà H khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với anh Nguyễn Văn T. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị H số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng. Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí. Bà H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009326 ngày 20/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly